

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAM LỘ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HSST  
Ngày: 11-7-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Như Chiến  
2. Bà Hồ Thị Hải Thanh

**Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thùy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đại – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến giữa điểm cầu trung tâm Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ và điểm cầu thành phần Trại giam **công an tỉnh Q** vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 28/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST – HS ngày 26/6/2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trường K**, tên gọi khác: **Khánh Ba L**; sinh ngày 27/6/1983 tại Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị T1** (đều đã chết); có vợ là **Ngô Thị Hà M**, sinh năm 1991, nơi cư trú: **thôn P xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị**; có 01 con, sinh năm 2015; tiền án: có 01 tiền án: Ngày 12/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An kết án 03 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” (Bản án số 87/2018/HSST). Ngày 30/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: không có. Về nhân thân: Ngày 25/12/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị kết án 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Năm 2014 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam **công an tỉnh Q** từ ngày 08/01/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Minh T2**, sinh ngày 23/5/1988 tại Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C**

và bà **Dinh Thị H**; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2023 tại Nhà tạm giữ **công an huyện C** đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Quốc H1**, tên gọi khác: Tèo Béo; sinh ngày 30/6/1990 tại Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Quốc H2** và bà **Cáp Thị L1**; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có. Về nhân thân: Năm 2014 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2023 tại nhà tạm giữ **công an huyện C** đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Bùi Công L2**, sinh năm 1977, trú tại **thôn A, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

+ Chị **Nguyễn Thị Trà G**, sinh năm 1997, trú tại **khu phố D, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình buôn bán tại **cửa hàng T3, thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị**, do **Nguyễn Trường K** làm chủ, thấy một số khách đến hỏi mua pháo hoa nổ để sử dụng nên khi có một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ đến đặt vấn đề bán pháo hoa nổ, **Nguyễn Trường K** đã nảy sinh ý định buôn bán để kiếm lời.

Khoảng 13 giờ 00 ngày 04/01/2023, người đàn ông hôm trước đến cửa hàng tạp hóa của **K** nói chuẩn bị lấy hàng, **K** biết là người này giao pháo nên hỏi “chỗ nào” thì người này nói “số lượng ít nên giao tại cổng **làng P, xã T, huyện C**. Đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, **K** thấy xe ô tô màu trắng đến dừng tại cổng **làng P** thì biết xe đến giao pháo, nên điều khiển xe ô tô BKS 74C-104.93 đến dừng sát xe ô tô màu trắng. Tại đây, **K** bốc từ xe ô tô màu trắng lên xe ô tô của mình 02 két giấy, có chứa tổng cộng **34** hộp pháo các loại và trả cho người đàn ông bán pháo 20.000.000 đồng. Sợ bị phát hiện nên **K** điều khiển xe chở pháo đến nhà của **Nguyễn Minh T2**, tại **thôn A, xã T, huyện C** nhờ cất hộ. Khi đến nhà, thấy **T2** đang ngủ nên **K** gọi **T2** dậy nhờ cất hộ pháo, Thành đồng ý và bảo **K** đưa vào cất ở phòng ngủ của **T2**, sau đó **T2** tiếp tục ngủ. **K** bỏ vào phòng ngủ của **T2** 03 túi ni lon, bên trong đựng 18 hộp pháo loại 49 ống và 03 hộp pháo loại 36 ống, tổng cộng **21** hộp pháo. Sau đó, điều khiển xe về lại quán tạp hóa của mình và bốc số pháo còn lại trên thùng xe ô tô đưa vào cất giấu trong quán và nhà.

Vào khoảng 19 giờ 00 ngày 06/01/2023, người đàn ông nói trên đến quán nói chuẩn bị lấy hàng, **K** biết là giao pháo nên hỏi chỗ nào, người này nói đến đoạn đường gần đập **T**, xã **T**, huyện **C**. Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, **K** rủ **Nguyễn Minh T2** đi bốc pháo, Thành đồng ý, **K** điều khiển xe ô tô BKS 74C-104.93 chở **T2** đến đoạn đường gần đập **Trúc K1** đứng chờ nhận pháo. Một lúc sau, người đàn ông đi xe ô tô màu trắng chạy đến, **K**, **T2** và người đàn ông này bốc từ xe ô tô màu trắng lên xe ô tô của **K** 58 hộp pháo các loại, **K** trả cho người đàn ông bán pháo 35.000.000 đồng. Sau đó, **K** điều khiển xe chở **T2** cùng số pháo mua được về dừng tại cổng làng **thôn P**, xã **T**, huyện **C**, rồi **K** và **T2** xuống xe đi về lại quán tạp hóa. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, **K** điều khiển xe ô tô tải 74C-104.93 về quán tạp hóa của mình. Lúc này, tại quán có **Lê Quốc H1** và **T2** đang ở quán nên **K** nhờ **T2**, **H1** cùng với **K** bốc toàn bộ pháo bỏ tại quán, số còn lại bỏ vào kho và nhà ở của **K** để cất giữ. **K** có dặn **T2**, **H1** bỏ khoảng 04 bao ni lon đựng khoảng 08 hộp pháo ở chân cầu thang nhà ở của **K** để đóng gói giao bán cho khách.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 07/01/2023, người đàn ông nói trên đến cửa hàng nói chuẩn bị lấy hàng. **K** biết là lấy pháo nên hỏi "chỗ nào, mấy giờ", người này nói "7 đến 8 giờ (tức 19 giờ đến 20 giờ), đến **đường L** để nhận pháo. Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, **K** nhờ **H1** và **T2** lấy các thùng bìa các tông bỏ lên xe ô tô BKS: 74C-104.93 để đưa đi đựng pháo và nhờ **T2** đi cùng để phụ bốc pháo, còn **H1** ở lại cửa hàng của **K**. **K** giao cho **H1** 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, bên trong có gắn sim không nhớ số thuê bao và dặn **H1**: Nếu có khách gọi đến mua pháo thì đưa pháo đã đóng gói giao cho khách. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, **H1** nhận được số điện thoại lạ gọi đến điện thoại **N**, người này nói đang dừng xe ở cây xăng đối diện, **H1** hiểu người này mua pháo nên lấy một bao ni lon màu đen, bên trong có 02 hộp pháo đi giao cho khách, rồi quay lại quán, Hữu tự hiểu tiền mua pháo khách sẽ thanh toán cho **K** sau.

Sau khi đưa điện thoại cho **H1**, **K** điều khiển xe ô tô 74C-104.93 chở **T2** đến gần đập **Trúc Kinh** ngồi đợi nhận pháo. Lúc này **T2** kêu mệt xin về nên **K** đã báo với **H1** đến chở **T2** về vào trong quán của **K** nằm nghỉ, còn **H1** ngồi chơi đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày thì về nhà. Lúc này, **K** điều khiển xe ô tô 74C-104.93 lên gần đập **Trúc Kinh** ngồi đợi, khoảng 30 phút sau, có một xe ô tô màu trắng đến vị trí của **K**. Người đàn ông này chở nhiều pháo hơn những lần trước và nói với **K** "Cuối năm nên giao luôn, cứ đưa về kiểm tra đã, có chi nói chuyện sau", **K** đồng ý. Sau đó, **K** và người đàn ông này bốc pháo từ xe ô tô màu trắng để lên xe ô tô của **K**, **K** trả trước số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại **K** nợ. Sau đó, **K** điều khiển xe ô tô chở pháo về đậu xe tại bãi đất trống gần **Trung tâm T4** nằm ngủ, đến khoảng 24 giờ cùng ngày, **K** gọi điện nói **H1** đến cửa hàng để phụ bốc hàng. Khi về đến cửa hàng, **K** trèo lên thùng xe, chuyển pháo xuống, đưa cho **H1** mang vào cửa hàng, đến khoảng 00 giờ 20 phút

ngày 08/01/2023, khi **K** và **H1** mới bốc được 01 bao ni lon màu đen và 01 thùng giấy bên trong có pháo vào cửa hàng “**Trường T3**” thì bị bắt quả tang. Khi bắt quả tang, **H1** bỏ chạy nhưng bị cơ quan Công an bắt giữ được. Qua kiểm tra, phát hiện trên thùng xe ô tô 74C-104.93 có tổng cộng là **145** hộp pháo các loại, được đựng trong 04 thùng giấy các tông và các bao ni lon màu đen, trong đó có 01 hộp pháo để rời bên ngoài.

Tiến hành khám xét cửa hàng của **K**, phát hiện tại vị trí phía trước bên ngoài, trên nền quán **Trường T3** có 01 bao ni lon màu đen đặt trên một thùng giấy các tông, bên trong túi ni lon có **03** hộp pháo loại 49 ống, bên trong hộp giấy có **04** hộp pháo loại 09 ống, đây là số pháo mà **K** và **H1** vừa bốc trên xe ô tô xuống, chưa kịp đưa đi cất giấu. Tại các vị trí dưới giường của **quán T3**, tại phòng khách, phòng bếp của nhà **K** và tại nhà kho của **K** còn cất giấu tổng cộng: **60** hộp pháo các loại được **K** mua từ trước về cất giấu để bán lại cho khách kiếm lời. **Nguyễn Trường K** tự khai ra nơi cất giấu pháo tại nhà **T2**, cơ quan điều tra đã khám xét nơi ở của **Nguyễn Minh T2** thu giữ tổng cộng **21** hộp pháo các loại.

Quá trình buôn bán, trong khoảng thời gian từ ngày 05/01/2023 đến ngày 07/01/2023 **K** 03 lần trực tiếp bán cho khách, số lượng 01 hộp pháo loại 9 ống, 06 hộp pháo loại 36 ống; **K** 02 lần nhờ **H1** đi giao pháo cho khách, số lượng 02 hộp pháo loại 49 ống, 02 hộp pháo loại 36 ống. Toàn bộ số tiền bán pháo thì **K** trực tiếp lấy từ khách thu lợi 1.370.000 đồng. Hiện **K** đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Tại bản Kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 13/01/2023 và Công văn số 93/PC09 ngày 13/03/2023 của **Phòng K2 Công an tỉnh Q** về việc cung cấp thêm thông tin đối với Kết luận giám định số: 123KL-KTHS ngày 13/01/2023, kết luận: Toàn bộ mẫu vật được niêm phong trong các thùng giấy ký hiệu P1, P2, P3, P4, P5, P6, P7, P8, PKX1, PKX2, PKX3, PKX4, PKX5, KXT gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Tổng khối lượng: 397,4kg. Trong đó: Khối lượng của mẫu vật trong thùng P1 là: 34,1kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P2 là: 34kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P3 là: 34,2kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P4 là: 33,6kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P5 là: 27,8kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P6 là: 22,7kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P7 là: 29,5kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng P8 là: 19,8kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng PKX1 là: 14,4kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng PKX2 là: 30kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng PKX3 là: 37,8kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng PKX4 là: 31kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng PKX5 là: 14,8kg; Khối lượng của mẫu vật trong thùng KXT là: 33,7kg. Tổng khối lượng mẫu vật trong tất cả các thùng có sự khác biệt so với bản kết luận giám định là do có sự nhầm lẫn quá trình thao tác văn bản. Phòng KTHS xin đính chính lại nội dung ở phần tổng khối lượng mẫu vật là: 397,4kg.

Tại Cáo trạng số 14/CT – VKSCL ngày 27/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Trường K**, **Nguyễn Minh T2**, **Lê Quốc H1** về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trường K**, **Nguyễn Minh T2**, **Lê Quốc H1** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s, r, t khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 54 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường K** từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/01/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 54 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Quốc H1** và **Nguyễn Minh T2** từ 18 tháng đến 24 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/01/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy đối với số pháo còn lại sau giám định và các bao ni lon, hộp giấy và các thẻ sim. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại OPPO A5s; 01 điện thoại di động **S** A13 và số tiền 1.370.000 đồng.

- Về án phí: đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến có ý kiến gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo **K** xin lỗi gia đình 2 bị cáo **Nguyễn Minh T2**, **Lê Quốc H1** vì đã lôi kéo 02 bị cáo vào việc phạm tội; bị cáo **K** thừa nhận do gia đình nợ nần nhiều nên túng quẫn dẫn đến hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hai bị cáo **Nguyễn Minh T2**, **Lê Quốc H1** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tổ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, từ đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Trong quá trình buôn bán tại cửa hàng T3, Nguyễn Trường K gặp một số người có nhu cầu mua pháo hoa nổ nên nảy sinh ý định mua mặt hàng này để bán lại kiếm lời. Từ ngày 04/01/2023 đến ngày 08/01/2023 Nguyễn Trường K đã liên hệ mua của đối tượng không rõ tên, địa chỉ tổng số lượng 244 hộp pháo hoa nổ, tổng khối lượng là 397,4kg rồi bán lại cho những người đi xe khách. Cụ thể ngày 04/01/2023, K mua tổng cộng 34 hộp pháo hoa nổ đưa về cất giấu tại nhà bị cáo Nguyễn Minh T2 21 hộp, số còn lại cất giấu tại nhà và quán của K. Ngày 06/01/2023 K rủ T2 đi mua 58 hộp pháo hoa nổ các loại về giấu tại quán và nhà của bị cáo K. Lúc tại quán K nhờ T2, H1 bốc pháo bỏ vào quán, kho và quán của K. K dẫn T2, H1 bỏ khoảng 04 bao ni long đựng 08 hộp pháo để ở chân cầu thang để K đóng gói giao bán cho khách. Ngày 07/01/2023, K tiếp tục đi mua pháo hoa nổ; trước khi đi K nhờ T2, H1 lấy mấy thùng bìa cát tông bỏ lên xe để đi nhận pháo; K rủ T2 đi nhận pháo, còn H1 ở lại quán. Sau đó do T2 bị ốm mệt nên đã về trước còn K trực tiếp mua số lượng 152 hộp pháo hoa nổ các loại, khi về quán đang cùng bị cáo Lê Quốc H1 bốc pháo đưa vào quán thì bị bắt quả tang. Tại bản Kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 13/01/2023 và Công văn số 93/PC09 ngày 13/03/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: Toàn bộ mẫu vật được niêm phong gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Tổng khối lượng: 397,4kg. Các bị cáo đã thực hiện hành vi với tính chất đồng phạm giản đơn, lỗi cố ý, nhận thức rõ pháo hoa nổ là hàng cấm nhưng vì lợi ích cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về quản lý hàng cấm, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo K phù hợp với lời khai của các bị cáo T2, H1 và các tài liệu chứng cứ khác nên có căn cứ xác định hành vi của Nguyễn Trường K, Nguyễn Minh T2, Lê Quốc H1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại Điều 190 của Bộ luật hình sự.

[2.1] Bị cáo Nguyễn Trường K là người làm chủ, tự bỏ tiền ra mua pháo, là người trực tiếp liên hệ, giao dịch với người bán pháo, lái xe ô tô đi nhận pháo đưa về nhà cất giấu tại quán và nhà ở của K đồng thời liên hệ với T2 để nhờ cất giấu pháo tại nhà T2 rồi bán dần để kiếm lời. Đồng thời nhờ T2, H1 cùng tham gia giúp K trong một số công việc. Vai trò của K là chủ mưu cầm đầu, trực tiếp thực hành và chịu trách nhiệm với toàn bộ tang số pháo nổ trong vụ án.

[2.2] Bị cáo **Nguyễn Minh T2** là người giúp sức cho bị cáo **K**, biết rõ bị cáo **K** mua pháo hoa nổ để buôn bán kiếm lời, bị cáo **T2** đồng ý cho bị cáo **K** cất giấu pháo hoa nổ tại nhà mình. Tiếp tục các lần sau đó đã giúp sức cho bị cáo **K** bốc pháo, cất giấu pháo. Trong ngày 07/01/2023, ban đầu bị cáo **T2** đồng ý giúp bị cáo **K** đi bốc pháo nhưng sau đó bị mệt nên về trước, sau đó bị cáo **K** đi mua và bốc pháo cũng như đưa vào quán không có sự tham gia của **T2** nên bị cáo **T2** không chịu trách nhiệm đối với tang số mua pháo ngày 07/01/2023. Bị cáo **T2** chịu trách nhiệm đối với tang số 81 hộp pháo, với khối lượng: 147,3kg.

[2.3] Bị cáo **Lê Quốc H1** biết rõ việc **K** mua pháo hoa nổ để bán kiếm lời, nhưng đã giúp sức bị cáo **K** đi giao pháo, bán pháo nhưng không trực tiếp thu tiền từ khách. Bị cáo **H1** chịu trách nhiệm với tang số pháo đã giúp bị cáo **K** là 212 hộp pháo, có khối lượng: 363,7 kg, còn tang số pháo mà bị cáo **K** đã giấu tại nhà bị cáo **Nguyễn Minh T2** bị cáo **H1** không biết nên không chịu về tang số này.

Như vậy có căn cứ xác định bị cáo **Nguyễn Trường K**, **Nguyễn Minh T2**, **Lê Quốc H1** phạm tội quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “pháo nổ từ 120kg trở lên”.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Trường K** có một tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích lần này lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

[4.1] Bị cáo **Nguyễn Trường K**: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, và tự thú vì ngay khi bị bắt quả tang đã tự khai nhận hành vi cất giấu số lượng pháo ở quán, ở nhà của mình đồng thời tự khai ra hành vi giấu 21 hộp pháo hoa nổ tại nhà bị cáo **Nguyễn Minh T2**; năm 2016 đã giúp đỡ cơ quan chức năng trong việc bảo vệ an ninh tại địa phương, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Bị cáo **Nguyễn Minh T2** và bị cáo **Lê Quốc H1** quá trình điều tra đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vai trò của hai bị cáo trong vụ án không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Gia đình bị cáo **T2** thuộc hộ cận nghèo, bố bị cáo được hưởng chính sách như thương binh; bị cáo **H1** có ông nội, bà nội được tặng huy chương 60 tuổi đảng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất và mức hình phạt: Bị cáo **K** phạm tội với tính chất rất nghiêm trọng, tái phạm nguy hiểm, phạm tội với tang số lớn thể hiện thái độ khó cải tạo nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian khá dài nhằm trừng trị răn đe bị cáo tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 đối với bị cáo. Các bị cáo **Nguyễn Minh T2, Lê Quốc H1** có vai trò thấp nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 54 đối với các bị cáo nhưng cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe các bị cáo.

[6] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

[6.1] Số pháo hoa nổ còn lại sau giám định là vật chứng cấm lưu hành nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[6.2] 01 thùng giấy cát tông kích thước 28 x 30 x 38cm, trên thùng có dòng chữ “SPJ”, thùng đã qua sử dụng; 01 thùng giấy cát tông kích thước 22 x 39 x 27 cm, trên thùng có dòng chữ “Trà xanh không độ”, thùng đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 28 x 28 x 36 cm, bên ngoài có dòng chữ AQUAFINA, hộp đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 23 x 47 x 26 cm, bên ngoài có dòng chữ “KOREAN RED GINSENG DRINK”, hộp đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 28 x 63 x 64 cm, bên ngoài hộp có in dòng chữ “Paco”, hộp đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 46 x 12 x 39 cm, bên ngoài có dòng chữ “Mikku”, hộp đã qua sử dụng; 16 bao ni long màu đen, mỗi bao có kích thước 40 x 44cm trên bề mặt có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 02 mảnh giấy cát tông, mỗi mảnh có kích thước 31 x 78cm, giấy đã bị rách; 01 bao nilong màu đen có kích thước 54 x 59cm, bao đã qua sử dụng; 01 bao nilong màu đen có kích thước 64 x 44cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 79 x 54cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 56 x 46cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 64 x 50cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 60 x 67cm, bao đã bị rách; 03 bao nilong màu đen, mỗi bao có kích thước 72 x 60cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 27 x 25cm, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 30 x 40cm, bao đã bị rách nát; 04 mảnh nilong màu đen, mỗi mảnh có kích thước 50 x 60cm, mảnh ni long đã bị rách; 01 bao nilong màu đen có kích thước 50 x 45cm, bao đã bị rách nát là vật chứng của vụ án nhưng không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[6.3] 01 xe ô tô tải đầu màu xanh, nhãn hiệu TERACO, BKS: 74C-104.93 số máy: 4G13S1NAMTS01114, số khung: RM0BH17GLMC000875 là tài sản của anh **Bùi Công L2**, anh **L2** cho chị **Nguyễn Thị Trà G** mượn; sau đó chị **G** cho bị cáo **K**

thuê xe. Việc bị cáo **K** dùng vào việc phạm tội chỉ **G**, anh **L2** không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh **Bùi Công L2** là đúng pháp luật.

[6.4] 01 điện thoại Samsung Glaxy A13 màu đen, số IMEI 1: 350013880862593, Số IMEI 2: 352270630862590, bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0977.600.232 thu giữ của **Lê Quốc H1**; 01 điện thoại OPPO A5s màu xanh, kiểu máy CPH1912, IMEI 1: 865222044810913, IMEI 2: 865222044810905, bên trong gắn 01 thẻ sim có số thuê bao 0941.830.005 thu giữ của **Nguyễn Minh T2** là tài sản của các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Hai sim điện thoại không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6.5] Số tiền 1.370.000 đồng là tài sản do bị cáo **K** bán pháo hoa nổ mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Trường K** (**Khánh B**), **Nguyễn Minh T2**, **Lê Quốc H1** (**T**) phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, , Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường K**: 6 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/01/2023.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Quốc H1**: 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/01/2023.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T2**: 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/01/2023.

2. Về vật chứng và tài sản thu giữ: áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Số pháo hoa nổ còn lại sau giám định gồm có 160 hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài bọc giấy nhiều màu sắc và có ký hiệu T4049 CS689; 36 hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài bọc giấy nhiều màu sắc và có ký hiệu A8503AA; 18 hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài bọc giấy nhiều màu sắc và có ký hiệu C1759A; 01 hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài bọc giấy nhiều màu sắc và có ký hiệu A8503(A0398). Toàn bộ được niêm phong theo đúng quy định trong 14 (mười bốn) thùng cattong, ký hiệu là “P1, P2, P3, P4, P5, P6, P7, P8, PKX3, PKX4, PKX5”, “KXT”.

+ 01 thùng giấy cát tông kích thước 28 x 30 x 38cm, trên thùng có dòng chữ “SPJ”, thùng đã qua sử dụng; 01 thùng giấy cát tông kích thước 22 x 39 x 27 cm, trên thùng có dòng chữ “Trà xanh không độ”, thùng đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 28 x 28 x 36 cm, bên ngoài có dòng chữ AQUAFINA, hộp đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 23 x 47 x 26 cm, bên ngoài có dòng chữ “KOREAN RED GINSENG DRINK”, hộp đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 28 x 63 x 64 cm, bên ngoài hộp có in dòng chữ “Paco”, hộp đã qua sử dụng; 01 hộp giấy cát tông kích thước 46 x 12 x 39 cm, bên ngoài có dòng chữ “Mikku”, hộp đã qua sử dụng; 16 bao ni lon màu đen, mỗi bao có kích thước 40 x 44cm trên bề mặt có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 02 mảnh giấy cát tông, mỗi mảnh có kích thước 31 x 78cm, giấy đã bị rách; 01 bao nilon màu đen có kích thước 54 x 59cm, bao đã qua sử dụng; 01 bao nilon màu đen có kích thước 72x60cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilong màu đen có kích thước 64 x 44cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilon màu đen có kích thước 79 x 54cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilon màu đen có kích thước 56 x 46cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilon màu đen có kích thước 64 x 50cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilon màu đen có kích thước 60 x 67cm, bao đã bị rách; 03 bao nilon màu đen, mỗi bao có kích thước 72 x 60cm, trên bề mặt bao có dính băng keo trong, bao đã bị rách nát; 01 bao nilon màu đen có kích thước 27 x 25cm, bao đã bị rách nát; 01 bao nilon màu đen có kích thước 30 x 40cm, bao đã bị rách nát; 04 mảnh nilon màu đen, mỗi mảnh có kích thước 50 x 60cm, mảnh ni lon đã bị rách; 01 bao nilon màu đen có kích thước 50 x 45cm, bao đã bị rách nát; 01 sim điện thoại số thuê bao 0977.600.232, trên thẻ sim có số: 8984048000035680884; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0941.830.005, trên thẻ sim có dãy số: 89840200011118851797.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen, số IMEI 1: 350013880862593, Số IMEI 2: 352270630862590, máy đã qua sử dụng, được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu "ĐTH"; 01 điện thoại OPPO A5s màu xanh, kiểu máy CPH1912, IMEI 1: 865222044810913, IMEI 2:

865222044810905, điện thoại đã qua sử dụng, được niêm phong trong 01 phong bì, ký hiệu “ĐTT”; số tiền 1.370.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

(Các vật chứng, tài sản nói trên có tại **Chi cục THADS huyện C** theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2023; số tiền có tại tài khoản số 3949.0.1047878.00000 của **Chi cục THADS huyện C** theo ủy nhiệm chi lập ngày 09/5/2023, riêng 215 hộp pháo hiện đang có tại **Công an huyện C** theo biên bản giao nhận ngày 13/01/2023).

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người QLNVLQ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**